TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1045/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa .

- *Bị đơn*: Anh Ninh Văn N, trú tại: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L xây dựng hạnh phúc với anh Ninh Văn N do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh N không có trách nhiệm với vợ con, chơi bời bài bạc, bán cả ruộng lấy tiền trả nợ. Chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh N không thay đổi cách sống mà còn chửi xúc phạm, đánh chị, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị L đưa con về nhà bố mẹ để ở và sống ly thân với anh N từ tháng 06 năm 2022. đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị L xét thấy không còn tình cảm với anh N, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ninh Văn N. Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Ninh Thị H, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2002 và Ninh Thị Kỳ D, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2009. Con Ninh Thị H đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Ninh Thị Kỳ D và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ninh Văn N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh. Tại phiên tòa anh N có mặt và có ý kiến trình bày: Anh nhất trí với chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống anh công nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên do anh chơi bời nhưng không vi phạm phạm luật, anh nhận mình sai, có lỗi với vợ con, anh mong muốn chị L cho anh cơ hội, chị L xin ly hôn anh xin đoàn tụ. Về con chung: Anh N nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ tên tuổi như chị L trình bày. Nếu chị L kiên quyết ly hôn anh, chị L nhận nuôi con Ninh Thị Kỳ D và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí. Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Ninh Văn N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị

Nguyễn Thị L được ly hôn anh Ninh Văn N; về con chung: Giao con Ninh Thị Kỳ D, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2009 cho chị L nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N. Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Ninh Văn N. Anh N có nơi cư trú tại thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ninh Văn N xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị L và anh N xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh N không quan tâm gia đình, chơi bài bạc nợ nần, vợ chồng nhiều lần cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị L về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình từ tháng 06 năm 2022 và sống ly thân với anh N từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Anh N xin đoàn tụ với chị L nhưng anh N không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Ninh Thị H, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2002 đã trưởng thành và Ninh Thị Kỳ D, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2009. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi con Ninh Thị Kỳ D và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh N đồng ý chị L nuôi con Ninh Thị Kỳ D và anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay chị L có công việc, có thu nhập, có nơi ở cùng với bố mẹ chị đảm bảo việc nuôi con, cháu Duyên có đơn đề nghị được

ở với chị L. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị L được nuôi con Ninh Thị Kỳ D là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị L và anh Ninh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Ninh Văn N.

2. Về con chung: Giao con Ninh Thị Kỳ D, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ninh Văn N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001322 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị L và Ninh Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn